<http://voer.edu.vn/m/y-nghia-muc-dich-cua-viec-danh-gia/542942b3>

Đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh

Đổi mới phương pháp dạy học cần gắn liền với đổi mới về đánh giá quá trình dạy học cũng như đổi mới việc kiểm tra và đánh giá thành tích học tập của HS. Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin, giải thích thực trạng việc đạt mục tiêu giáo dục, tìm hiểu nguyên nhân, ra những quyết định sư phạm giúp HS học tập ngày càng tiến bộ.

**Mục lục**

  [[ẩn](http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/%C4%90%E1%BB%95i_m%E1%BB%9Bi_ki%E1%BB%83m_tra_%C4%91%C3%A1nh_gi%C3%A1_k%E1%BA%BFt_qu%E1%BA%A3_h%E1%BB%8Dc_t%E1%BA%ADp_c%E1%BB%A7a_h%E1%BB%8Dc_sinh)]

* [1. Đánh giá theo năng lực](http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/%C4%90%E1%BB%95i_m%E1%BB%9Bi_ki%E1%BB%83m_tra_%C4%91%C3%A1nh_gi%C3%A1_k%E1%BA%BFt_qu%E1%BA%A3_h%E1%BB%8Dc_t%E1%BA%ADp_c%E1%BB%A7a_h%E1%BB%8Dc_sinh#1._.C4.90.C3.A1nh_gi.C3.A1_theo_n.C4.83ng_l.E1.BB.B1c)
* [2. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS](http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/%C4%90%E1%BB%95i_m%E1%BB%9Bi_ki%E1%BB%83m_tra_%C4%91%C3%A1nh_gi%C3%A1_k%E1%BA%BFt_qu%E1%BA%A3_h%E1%BB%8Dc_t%E1%BA%ADp_c%E1%BB%A7a_h%E1%BB%8Dc_sinh#2._.C4.90.E1.BB.8Bnh_h.C6.B0.E1.BB.9Bng_.C4.91.E1.BB.95i_m.E1.BB.9Bi_ki.E1.BB.83m_tra.2C_.C4.91.C3.A1nh_gi.C3.A1_k.E1.BA.BFt_qu.E1.BA.A3_h.E1.BB.8Dc_t.E1.BA.ADp_c.E1.BB.A7a_HS)
* [3. Định hướng xây dựng câu hỏi, bài tập đánh giá năng lực HS](http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/%C4%90%E1%BB%95i_m%E1%BB%9Bi_ki%E1%BB%83m_tra_%C4%91%C3%A1nh_gi%C3%A1_k%E1%BA%BFt_qu%E1%BA%A3_h%E1%BB%8Dc_t%E1%BA%ADp_c%E1%BB%A7a_h%E1%BB%8Dc_sinh#3._.C4.90.E1.BB.8Bnh_h.C6.B0.E1.BB.9Bng_x.C3.A2y_d.E1.BB.B1ng_c.C3.A2u_h.E1.BB.8Fi.2C_b.C3.A0i_t.E1.BA.ADp_.C4.91.C3.A1nh_gi.C3.A1_n.C4.83ng_l.E1.BB.B1c_HS)
  + [3.1. Tiếp cận bài tập định hướng phát triển năng lực](http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/%C4%90%E1%BB%95i_m%E1%BB%9Bi_ki%E1%BB%83m_tra_%C4%91%C3%A1nh_gi%C3%A1_k%E1%BA%BFt_qu%E1%BA%A3_h%E1%BB%8Dc_t%E1%BA%ADp_c%E1%BB%A7a_h%E1%BB%8Dc_sinh#3.1._Ti.E1.BA.BFp_c.E1.BA.ADn_b.C3.A0i_t.E1.BA.ADp_.C4.91.E1.BB.8Bnh_h.C6.B0.E1.BB.9Bng_ph.C3.A1t_tri.E1.BB.83n_n.C4.83ng_l.E1.BB.B1c)
  + [3.2. Phân loại bài tập định hướng phát triển năng lực](http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/%C4%90%E1%BB%95i_m%E1%BB%9Bi_ki%E1%BB%83m_tra_%C4%91%C3%A1nh_gi%C3%A1_k%E1%BA%BFt_qu%E1%BA%A3_h%E1%BB%8Dc_t%E1%BA%ADp_c%E1%BB%A7a_h%E1%BB%8Dc_sinh#3.2._Ph.C3.A2n_lo.E1.BA.A1i_b.C3.A0i_t.E1.BA.ADp_.C4.91.E1.BB.8Bnh_h.C6.B0.E1.BB.9Bng_ph.C3.A1t_tri.E1.BB.83n_n.C4.83ng_l.E1.BB.B1c)
  + [3.3. Những đặc điểm của bài tập định hướng phát triển năng lực](http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/%C4%90%E1%BB%95i_m%E1%BB%9Bi_ki%E1%BB%83m_tra_%C4%91%C3%A1nh_gi%C3%A1_k%E1%BA%BFt_qu%E1%BA%A3_h%E1%BB%8Dc_t%E1%BA%ADp_c%E1%BB%A7a_h%E1%BB%8Dc_sinh#3.3._Nh.E1.BB.AFng_.C4.91.E1.BA.B7c_.C4.91i.E1.BB.83m_c.E1.BB.A7a_b.C3.A0i_t.E1.BA.ADp_.C4.91.E1.BB.8Bnh_h.C6.B0.E1.BB.9Bng_ph.C3.A1t_tri.E1.BB.83n_n.C4.83ng_l.E1.BB.B1c)
  + [3.4. Các bậc trình độ trong bài tập định hướng phát triển năng lực](http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/%C4%90%E1%BB%95i_m%E1%BB%9Bi_ki%E1%BB%83m_tra_%C4%91%C3%A1nh_gi%C3%A1_k%E1%BA%BFt_qu%E1%BA%A3_h%E1%BB%8Dc_t%E1%BA%ADp_c%E1%BB%A7a_h%E1%BB%8Dc_sinh#3.4._C.C3.A1c_b.E1.BA.ADc_tr.C3.ACnh_.C4.91.E1.BB.99_trong_b.C3.A0i_t.E1.BA.ADp_.C4.91.E1.BB.8Bnh_h.C6.B0.E1.BB.9Bng_ph.C3.A1t_tri.E1.BB.83n_n.C4.83ng_l.E1.BB.B1c)

**1. Đánh giá theo năng lực**

Theo quan điểm [phát triển năng lực](http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/Ch%C6%B0%C6%A1ng_tr%C3%ACnh_gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c_%C4%91%E1%BB%8Bnh_h%C6%B0%E1%BB%9Bng_ph%C3%A1t_tri%E1%BB%83n_n%C4%83ng_l%E1%BB%B1c), việc đánh giá kết quả học tập không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá. Đánh giá kết quả học tập theo năng lực cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau. Đánh giá kết quả học tập đối với các môn học và hoạt động giáo dục ở mỗi lớp và sau cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học, có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của HS. Hay nói cách khác, *đánh giá theo năng lực là đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ trong bối cảnh có ý nghĩa* (Leen pil, 2011).

Xét về bản chất thì không có mâu thuẫn giữa đánh giá năng lực và đánh giá kiến thức kỹ năng, mà đánh giá năng lực được coi là bước phát triển cao hơn so với đánh giá kiến thức, kỹ năng. Để chứng minh HS có năng lực ở một mức độ nào đó, phải tạo cơ hội cho HS được giải quyết vấn đề trong tình huống mang tính thực tiễn. Khi đó HS vừa phải vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học ở nhà trường, vừa phải dùng những kinh nghiệm của bản thân thu được từ những trải nghiệm bên ngoài nhà trường (gia đình, cộng đồng và xã hội). Như vậy, thông qua việc hoàn thành một nhiệm vụ trong bối cảnh thực, người ta có thể đồng thời đánh giá được cả kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hiện và những giá trị, tình cảm của người học. Mặt khác, đánh giá năng lực không hoàn toàn phải dựa vào chương trình giáo dục môn học như đánh giá kiến thức, kỹ năng, bởi năng lực là tổng hòa, kết tinh kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm, giá trị, chuẩn mực đạo đức,… được hình thành từ nhiều lĩnh vực học tập và từ sự phát triển tự nhiên về mặt xã hội của một con người.

Có thể tổng hợp một số dấu hiệu khác biệt cơ bản giữa đánh giá năng lực người học và đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí so sánh** | **Đánh giá năng lực** | **Đánh giá kiến thức, kỹ năng** |
| 1. Mục đích chủ yếu nhất | * Đánh giá khả năng HS vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. * Vì sự tiến bộ của người học so với chính họ. | * Xác định việc đạt kiến thức, kỹ năng theo mục tiêu của chương trình giáo dục. * Đánh giá, xếp hạng giữa những người học với nhau. |
| 2. Ngữ cảnh đánh giá | Gắn với ngữ cảnh học tập và thực tiễn cuộc sống của HS. | Gắn với nội dung học tập (những kiến thức, kỹ năng, thái độ) được học trong nhà trường. |
| 3. Nội dung đánh giá | * Những kiến thức, kỹ năng, thái độ ở nhiều môn học, nhiều hoạt động giáo dục và những trải nghiệm của bản thân HS trong cuộc sống xã hội (tập trung vào năng lực thực hiện). * Quy chuẩn theo các mức độ phát triển năng lực của người học. | * Những kiến thức, kỹ năng, thái độ ở một môn học. * Quy chuẩn theo việc người học có đạt được hay không một nội dung đã được học. |
| 4. Công cụ đánh giá | Nhiệm vụ, bài tập trong tình huống, bối cảnh thực. | Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ trong tình huống hàn lâm hoặc tình huống thực. |
| 5. Thời điểm đánh giá | Đánh giá mọi thời điểm của quá trình dạy học, chú trọng đến đánh giá trong khi học. | Thường diễn ra ở những thời điểm nhất định trong quá trình dạy học, đặc biệt là trước và sau khi dạy. |
| 6. Kết quả đánh giá | * Năng lực người học phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ hoặc bài tập đã hoàn thành. * Thực hiện được nhiệm vụ càng khó, càng phức tạp hơn sẽ được coi là có năng lực cao hơn. | * Năng lực người học phụ thuộc vào số lượng câu hỏi, nhiệm vụ hay bài tập đã hoàn thành. * Càng đạt được nhiều đơn vị kiến thức, kỹ năng thì càng được coi là có năng lực cao hơn. |

**2. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS**

Đánh giá kết quả giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục ở mỗi lớp và sau cấp học cần phải:

* Dựa vào cứ vào chuẩn kiến thức, kĩ năng (theo định hướng tiếp cận năng lực) từng môn học, hoạt động giáo dục từng môn, từng lớp; yêu cầu cơ bản cần đạt về kiến thức, kĩ năng, thái độ (theo định hướng tiếp cận năng lực) của HS của cấp học.
* Phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS, giữa đánh giá của nhà trường và đánh giá của gia đình, cộng đồng.
* Kết hợp giữa hình thức đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận nhằm phát huy những ưu điểm của mỗi hình thức đánh giá này.
* Có công cụ đánh giá thích hợp nhằm đánh giá toàn diện, công bằng, trung thực, có khả năng phân loại, giúp GV và HS điều chỉnh kịp thời việc dạy và học.

Việc đổi mới công tác đánh giá kết quả học tập môn học của GV được thể hiện qua*một số đặc trưng cơ bản* sau:

a) Xác định được mục đích chủ yếu của đánh giá kết quả học tập là so sánh năng lực của HS với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức và kĩ năng (năng lực) môn học ở từng chủ đề, từng lớp học, để từ đó cải thiện kịp thời hoạt động dạy và hoạt động học.

b) Tiến hành đánh giá kết quả học tập môn học theo ba công đoạn cơ bản là thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin, xác nhận kết quả học tập và ra quyết định điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động học. Yếu tố đổi mới ở mỗi công đoạn này là:

(i) *Thu thập thông tin*: thông tin được thu thập từ nhiều nguồn, nhiều hình thức và bằng nhiều phương pháp khác nhau (quan sát trên lớp, làm bài kiểm tra, sản phẩm học tập, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau,...); lựa chọn được những nội dung đánh giá cơ bản và trọng tâm, trong đó chú ý nhiều hơn đến nội dung kĩ năng; xác định đúng mức độ yêu cầu mỗi nội dung (nhận biết, thông hiểu, vận dụng,...) căn cứ vào chuẩn kiến thức, kĩ năng; sử dụng đa dạng các loại công cụ khác nhau (đề kiểm tra viết, câu hỏi trên lớp, phiếu học tập, bài tập về nhà,...); thiết kế các công cụ đánh giá đúng kỹ thuật (câu hỏi và bài tập phải đo lường được mức độ của chuẩn, đáp ứng các yêu cầu dạng trắc nghiệm khách quan hay tự luận, cấu trúc đề kiểm tra khoa học và phù hợp,...); tổ chức thu thập được các thông tin chính xác, trung thực. Cần bồi dưỡng cho HS những kỹ thuật thông tin phản hồi nhằm tạo điều kiện cho HS tham gia đánh giá và cải tiến quá trình dạy học.

(ii) *Phân tích và xử lý thông tin*: các thông tin định tính về thái độ và năng lực học tập thu được qua quan sát, trả lời miệng, trình diễn,... được phân tích theo nhiều mức độ với tiêu chí rõ ràng và được lưu trữ thông qua sổ theo dõi hàng ngày; các thông tin định lượng qua bài kiểm tra được chấm điểm theo đáp án/hướng dẫn chấm – hướng dẫn đảm bảo đúng, chính xác và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật; số lần kiểm tra, thống kê điểm trung bình, xếp loại học lực,… theo đúng quy chế đánh giá, xếp loại ban hành.

(iii) *Xác nhận kết quả học tập*: xác nhận HS đạt hay không mục tiêu từng chủ đề, cuối lớp học, cuối cấp học dựa vào các kết quả định lượng và định tính với chứng cứ cụ thể, rõ ràng; phân tích, giải thích sự tiến bộ học tập vừa căn cứ vào kết quả đánh giá quá trình và kết quả đánh giá tổng kết, vừa căn cứ vào thái độ học tập và hoàn cảnh gia đình cụ thể. Ra quyết định cải thiện kịp thời hoạt động dạy của GV, hoạt động học của HS trên lớp học; ra các quyết định quan trọng với HS (lên lớp, thi lại, ở lại lớp, khen thưởng,…); thông báo kết quả học tập của HS cho các bên có liên quan (HS, cha mẹ HS, hội đồng giáo dục nhà trường, quản lý cấp trên,…). Góp ý và kiến nghị với cấp trên về chất lượng chương trình, sách giáo khoa, cách tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục,...

Trong đánh giá thành tích học tập của HS không chỉ đánh giá kết quả mà chú ý cả quá trình học tập. Đánh giá thành tích học tập theo quan điểm phát triển năng lực không giới hạn vào khả năng tái hiện tri thức mà chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong việc giải quyết các nhiệm vụ phức hợp.

Cần sử dụng phối hợp các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau. Kết hợp giữa kiểm tra miệng, kiểm tra viết và bài tập thực hành. Kết hợp giữa trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan. Hiện nay ở Việt Nam có xu hướng chọn hình thức trắc nghiệm khách quan cho các kỳ thi tốt nghiệp hay thi tuyển đại học. Trắc nghiệm khách quan có những ưu điểm riêng cho các kỳ thi này. Tuy nhiên trong đào tạo thì không được lạm dụng hình thức này. Vì nhược điểm cơ bản của trắc nghiệm khách quan là khó đánh giá được khả năng sáng tạo cũng như năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp.

**3. Định hướng xây dựng câu hỏi, bài tập đánh giá năng lực HS**

Dạy học định hướng phát triển năng lực đòi hỏi việc thay đổi mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá, trong đó việc thay đổi quan niệm và cách xây dựng các nhiệm vụ học tập, câu hỏi và bài tập (sau đây gọi chung là bài tập) có vai trò quan trọng.

**3.1. Tiếp cận bài tập định hướng phát triển năng lực**

Các nghiên cứu thực tiễn về bài tập trong dạy học đã rút ra những hạn chế của việc xây dựng bài tập truyền thống như sau:

* Tiếp cận một chiều, ít thay đổi trong việc xây dựng bài tập, thường là những bài tập đóng.
* Thiếu về tham chiếu ứng dụng, chuyển giao cái đã học sang vấn đề chưa biết cũng như các tình huống thực tiễn cuộc sống.
* Kiểm tra thành tích, chú trọng các thành tích nhớ và hiểu ngắn hạn.
* Quá ít ôn tập thường xuyên và bỏ qua sự kết nối giữa cái đã biết và cái mới.
* Tính tích lũy của việc học không được lưu ý đến một cách đầy đủ…

Còn đối với việc tiếp cận năng lực, những ưu điểm nổi bật là:

* Trọng tâm không phải là các thành phần tri thức hay kỹ năng riêng lẻ mà là sự vận dụng có phối hợp các thành tích riêng khác nhau trên cơ sở một vấn đề mới đối với người học.
* Tiếp cận năng lực không định hướng theo nội dung học trừu tượng mà luôn theo các tình huống cuộc sống của HS, theo “thử thách trong cuộc sống”. Nội dung học tập mang tính tình huống, tính bối cảnh và tính thực tiễn.
* So với dạy học định hướng nội dung, dạy học định hướng phát triển năng lực định hướng mạnh hơn đến HS và các quá trình học tập.

Chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực được xây dựng trên cơ sở chuẩn năng lực của môn học. Năng lực chủ yếu hình thành qua hoạt động học của HS. Hệ thống bài tập định hướng phát triển năng lực chính là công cụ để HS luyện tập nhằm hình thành năng lực và là công cụ để GV và các cán bộ quản lý giáo dục kiểm tra, đánh giá năng lực của HS và biết được mức độ đạt chuẩn của quá trình dạy học.

Bài tập là một thành phần quan trọng trong môi trường học tập mà người GV cần thực hiện. Vì vậy, trong quá trình dạy học, người GV cần biết xây dựng các bài tập định hướng phát triển năng lực.

Các bài tập trong Chương trình đánh giá HS quốc tế (Programme for International Student Assesment - PISA) là ví dụ điểm hình cho xu hướng xây dựng các bài kiểm tra, đánh giá theo năng lực. Trong các bài tập này, người ta chú trọng sự vận dụng các hiểu biết riêng lẻ khác nhau để giải quyết một vấn đề mới đối với người học, gắn với tình huống cuộc sống. PISA không kiểm tra kiến thức riêng lẻ của HS mà kiểm tra các năng lực vận dụng như năng lực đọc hiểu, năng lực toán học và khoa học tự nhiên.

**3.2. Phân loại bài tập định hướng phát triển năng lực**

Đối với GV, bài tập là yếu tố điều khiển quá trình giáo dục. Đối với HS, bài tập là một nhiệm vụ cần thực hiện, là một phần nội dung học tập. Các bài tập có nhiều hình thức khác nhau, có thể là bài tập miệng, bài tập viết, bài tập ngắn hạn hay dài hạn, bài tập theo nhóm hay cá nhân, bài tập trắc nghiệm đóng hay tự luận mở. Bài tập có thể đưa ra dưới hình thức một nhiệm vụ, một đề nghị, một yêu cầu hay một câu hỏi.

Những yêu cầu chung đối với các bài tập là:

* Được trình bày rõ ràng.
* Có ít nhất một lời giải.
* Với những dữ kiện cho trước, HS có thể tự lực giải được.
* Không giải qua đoán mò được.

Theo chức năng lý luận dạy học, bài tập có thể bao gồm: Bài tập học và bài tập đánh giá (thi, kiểm tra):

* *Bài tập học*: Bao gồm các bài tập dùng trong bài học để lĩnh hội tri thức mới, chẳng hạn các bài tập về một tình hướng mới, giải quyết bài tập này để rút ra tri thức mới, hoặc các bài tập để luyện tập, củng cố, vận dụng kiến thức đã học.
* *Bài tập đánh giá*: Là các kiểm tra ở lớp do GV ra đề hay các đề tập trung như kiểm tra chất lượng, so sánh; bài thi tốt nghiệp, thi tuyển.

Thực tế hiện nay, các bài tập chủ yếu là các bài luyện tập và bài thi, kiểm tra. Bài tập học tập, lĩnh hội tri thức mới ít được quan tâm. Tuy nhiên, bài tập học tập dưới dạng học khám phá có thể giúp HS nhiều hơn trong làm quen với việc tự lực tìm tòi và mở rộng tri thức.

Theo dạng của câu trả lời của bài tập “mở” hay “đóng”, có các dạng bài tập sau:

* *Bài tập đóng*: Là các bài tập mà người học (người làm bài) không cần tự trình bày câu trả lời mà lựa chọn từ những câu trả lời cho trước. Như vậy trong loại bài tập này, GV đã biết câu trả lời, HS được cho trước các phương án có thể lựa chọn.
* *Bài tập mở*: Là những bài tập mà không có lời giải cố định đối với cả GV và HS (người ra đề và người làm bài); có nghĩa là kết quả bài tập là “mở”. Chẳng hạn GV đưa ra một chủ đề, một vấn đề hoặc một tài liệu, HS cần tự bình luận, thảo luận về đề tài đó. Các đề bài bình luận văn học không yêu cầu học theo mẫu, HS tự trình bày ý kiến theo cách hiểu và lập luận của mình là các ví dụ điển hình về bài tập mở.

Bài tập mở được đặc trưng bởi sự trả lời tự do của các nhân và không có một lời giải cố định, cho phép các cách tiếp cận khác nhau và dành không gian cho sự tự quyết định của người học. Nó được sử dụng trong việc luyện tập hoặc kiểm tra năng lực vận dụng tri thức từ các lĩnh vực khác nhau để giải quyết các vấn đề. Tính độc lập và sáng tạo của HS được chú trọng trong việc làm dạng bài tập này. Tuy nhiên, bài tập mở cũng có những giới hạn như có thể khó khăn trong việc xây dựng các tiêu chí đánh giá khách quan, mất nhiều công sức hơn khi xây dựng và đánh giá cũng không phù hợp với mọi nội dung dạy học. Trong việc đánh giá bài tập mở, chú trọng việc người làm bài biết lập luận thích hợp cho con đường giải quyết hay quan điểm của mình.

Trong thực tiễn giáo dục trung học hiện nay, các bài tập mở gắn với thực tiễn còn ít được quan tâm. Tuy nhiên, bài tập mở là hình thức bài tập có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển năng lực HS. Trong dạy học và kiểm tra đánh giá giai đoạn tới, GV cần kết hợp một cách thích hợp các loại bài tập để đảm bảo giúp HS nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản và năng lực vận dụng trong các tình huống phức hợp gắn với thực tiễn.

**3.3. Những đặc điểm của bài tập định hướng phát triển năng lực**

Các thành tố quan trọng trong việc đánh giá việc đổi mới xây dựng bài tập là: Sự đa dạng của bài tập, chất lượng bài tập, sự lồng ghép bài tập vào giờ học và sự liên kết với nhau của các bài tập.

Những đặc điểm của bài tập định hướng phát triển năng lực:

a) Yêu cầu của bài tập

* Có mức độ khó khác nhau.
* Mô tả tri thức và kỹ năng yêu cầu.
* Định hướng theo kết quả.

b) Hỗ trợ học tích lũy

* Liên kết các nội dung qua suốt các năm học.
* Làm nhận biết được sự gia tăng của năng lực.
* Vận dụng thường xuyên cái đã học.

c) Hỗ trợ cá nhân hóa việc học tập

* Chẩn đoán và khuyến khích cá nhân.
* Tạo khả năng trách nhiệm đối với việc học của bản thân.
* Sử dụng sai lầm như là cơ hội.

d) Xây dựng bài tập trên cơ sở chuẩn

* Bài tập luyện tập để bảo đảm tri thức cơ sở.
* Thay đổi bài tập đặt ra (mở rộng, chuyển giao, đào sâu và kết nối, xây dựng tri thức thông minh).
* Thử các hình thức luyện tập khác nhau.

đ) Bao gồm cả những bài tập cho hợp tác và giao tiếp

* Tăng cường năng lực xã hội thông qua làm việc nhóm.
* Lập luận, lí giải, phản ánh để phát triển và củng cố tri thức.

e) Tích cực hóa hoạt động nhận thức

* Bài tập giải quyết vấn đề và vận dụng.
* Kết nối với kinh nghiệm đời sống.
* Phát triển các chiến lược giải quyết vấn đề.

g) Có những con đường và giải pháp khác nhau

* Nuôi dưỡng sự đa dạng của các con đường, giải pháp.
* Đặt vấn đề mở.
* Độc lập tìm hiểu.
* Không gian cho các ý tưởng khác thường.
* Diễn biến mở của giờ học.

h) Phân hóa nội tại

* Con đường tiếp cận khác nhau.
* Phân hóa bên trong.
* Gắn với các tình huống và bối cảnh.

**3.4. Các bậc trình độ trong bài tập định hướng phát triển năng lực**

Về phương diện nhận thức, người ta chia các mức quá trình nhận thức và các bậc trình độ nhận tương ứng như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các mức quá trình** | **Các bậc trình độ nhận thức** | **Các đặc điểm** |
| 1. Hồi tưởng thông tin | **Tái hiện**  Nhận biết lại  Tái tạo lại | * Nhận biết lại cái gì đã học theo cách thức không thay đổi. * Tái tạo lại cái đã học theo cách thức không thay đổi. |
| 2. Xử lý thông tin | **Hiểu và vận dụng**  Nắm bắt ý nghĩa  Vận dụng | * Phản ánh đúng bản chất, ý nghĩa cái đã học. * Vận dụng các cấu trúc đã học trong tình huống tương tự. |
| 3. Tạo thông tin | **Xử lí, giải quyết vấn đề** | * Nghiên cứu có hệ thống và bao quát một tình huống bằng những tiêu chí riêng. * Vận dụng các cấu trúc đã học sang một tình huống mới. * Đánh giá một hoàn cảnh, tình huống thông qua những tiêu chí riêng |

*Xem thêm:*[*Hệ thống phân loại các mục tiêu của Bloom*](http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/H%E1%BB%87_th%E1%BB%91ng_ph%C3%A2n_lo%E1%BA%A1i_c%C3%A1c_m%E1%BB%A5c_ti%C3%AAu_c%E1%BB%A7a_Bloom)

Dựa trên các bậc nhận thức và chú ý đến đặc điểm của học tập định hướng phát triển năng lực, có thể xây dựng bài tập theo các dạng:

* **Các bài tập dạng tái hiện**: Yêu cầu sự hiểu và tái hiện tri thức. Bài tập tái hiện không phải trọng tâm của bài tập định hướng phát triển năng lực.
* **Các bài tập vận dụng**: Các bài tập vận dụng những kiến thức trong các tình huống không thay đổi. Các bài tập này nhằm củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng cơ bản, chưa đòi hỏi sáng tạo.
* **Các bài tập giải quyết vấn đề**: Các bài tập này đòi hỏi sự phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng kiến thức vào những tình huống thay đổi, giải quyết vấn đề. Dạng bài tập này đòi hỏi sự sang tạo của người học.
* **Các bài tập gắn với bối cảnh, tình huống thực tiễn**: Các bài tập vận dụng và giải quyết vấn đề gắn các vấn đề với các bối cảnh và tình huống thực tiễn. Những bài tập này là những bài tập mở, tạo cơ hội cho nhiều cách tiếp cận, nhiều con đường giải quyết khác nhau.